

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2019/HNGĐ-ST
Ngày:19- 6 -2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Lan.

Ông Nguyễn Xuân Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Đợi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1990, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2019, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải ngày 18/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn

Thị Thùy L trình bày: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Lê Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống không có hạnh phúc, anh T không quan tâm đến gia đình và vợ, con, anh T có sử dụng chất ma túy, thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị L đã bỏ về nhà bố đẻ sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Thấy hôn nhân không thể kéo dài nên chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Quốc T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung: Lê Bảo P, sinh ngày 24/9/2015 và Lê Bảo N, sinh ngày 13/10/2017. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 02/4/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày, biên bản hòa giải ngày 18/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Quốc T trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại nên anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung: Lê Bảo P, sinh ngày 24/9/2015 và Lê Bảo N, sinh ngày 13/10/2017. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Lê Bảo P, sinh năm: 2015, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

1.VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các điều 48, 203 BLTTDS. Cụ thể trong vụ án này, Thẩm phán đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân quy định tại khoản 3 điều 208 BLTTDS.

- Việc thụ lý đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 điều 35 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại điều 195, 196 BLTTDS.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại các điều 203 BLTTDS.

* *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc xét xử được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn không tham gia phiên tòa xét xử ngày 06/6/2019, HĐXX phải hoãn phiên tòa. Hôm nay, bị đơn lại vắng mặt không có lý do, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điều 227, 228 BLTTDS.

2. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD 2014; khoản 4 điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thùy L ly hôn anh Lê Quốc T.

- Về con chung: giao hai cháu Lê Bảo P sinh ngày 24/9/2015; Lê Bảo N sinh ngày 13/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thùy L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Quốc T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ

- Về án phí DSST: Buộc chị L phải chi án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh của con; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Thùy L; Giấy xác nhận bảng lương ngày 13/5/2019 của chị Nguyễn Thị Thùy L. Bị đơn anh Lê Quốc T không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì. Các biên bản xác minh ngày 03/4/2019, 25/4/2019, 07/5/2019 do Tòa án tiến hành xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Quốc T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, ban đầu anh T có mặt, chấp hành đúng thời gian, theo yêu cầu của Tòa án, nhưng kể từ ngày 13/5/2019 Tòa án tiến hành mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 thì anh T vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Lê Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống nên từ tháng 11 năm 2018 chị L đã bỏ về nhà bố đẻ sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 03/4/2019, 25/4/2019 về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T thì kết quả xác minh anh T dương tính với chất ma túy. Vì những mâu thuẫn trên mà hôn nhân đã ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L cho chị được ly hôn anh Lê Quốc T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh T có 02 con chung: Lê Bảo P, sinh ngày 24/9/2015 và Lê Bảo N, sinh ngày 13/10/2017. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 03/4/2019 và 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa cũng như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Lê Quốc T thì các cháu hiện đang do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón các cháu đi học. Hiện cháu Lê Bảo N chưa đủ 36 tháng tuổi. Xem xét điều kiện, đảm bảo việc trực tiếp nuôi con thì chị L có công việc và thu nhập ổn định, còn anh T cũng có công việc ổn định nhưng anh T là đối tượng có sử dụng chất ma túy, ham chơi nên không đảm bảo để giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng được. Vì vậy cần áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao các cháu Lê Bảo P, Lê Bảo N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 07/5/2019 và bảng xác nhận tiền lương hàng tháng của trường trung học cơ sở Thuận thì anh T hiện là giáo viên dạy bộ môn âm nhạc tại trường trung học cơ sở Thuận, lương thu nhập là 6.706.000đồng/tháng, vì vậy căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng đối với hai cháu Phúc và Nguyên kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001510 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị Thùy L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lê Quốc T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn anh Lê Quốc T.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Bảo P, sinh ngày 24/9/2015 và Lê Bảo N, sinh ngày 13/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng đối với hai cháu Lê Bảo P và Lê Bảo N, kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001510 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị Thùy L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lê Quốc T phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H.Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- UBND xã Tân Lập, H.Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung